

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1907 /GP- BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2015

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ- CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 có địa chỉ tại ấp 3, thôn Tây Khánh, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được xả nước thải từ Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vào nguồn nước với nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Đồng Tranh và sông Lòng Tàu đoạn chảy qua xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Vị trí xả nước thải:

2.1. Tại ấp 3, thôn Tây Khánh, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000):

- Tọa độ vị trí xả nước thải nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vào sông Đồng Tranh:

X: 1176365

Y: 400185

- Tọa độ vị trí xả nước thải làm mát của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vào sông Lòng Tàu:

X: 1175476

Y: 399860

BGP
Cec' P.
→ ATSKAĐ Đán
nhi' xu' ly'
Cec' nôi' dung
l'quán đón
giấy' sự' ng.
→ PGPThi' sô
chỉ' đón
31.7.15

3. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt: nước thải sau xử lý dẫn ra hệ thống thoát nước thải của Nhà máy, sau đó xả sông Đồng Tranh theo phương thức tự chảy, xả mặt ven bờ.

- Nước thải làm mát: nước thải sau khi kiểm soát nhiệt độ và nồng độ chất ô nhiễm xả qua đường ống ngầm vào hồ kiểm soát chung với Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1, sau đó xả ra sông Lòng Tàu theo phương thức tự chảy, xả ngầm giữa dòng.

4. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt: 1.220 m³/ngày đêm.

- Nước thải làm mát: 1.416.960 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ từ thời điểm cấp phép đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019 và không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm giấy phép hết hạn. Cụ thể như Bảng 1.

Bảng 1: Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	pH	-	5,5-9	6-9
3	Màu	Pt/Co	150	50
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) (20°C)	mg/l	40.5	24.3
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	121.5	60.75
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	81	40.5
7	Asen (As)	mg/l	0.08	0.04
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0.008	0.004
9	Chì (Pb)	mg/l	0.4	0.08
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0.08	0.04
11	Crom (VI)	mg/l	0.08	0.04
12	Crom (III)	mg/l	0.8	0.16
13	Đồng (Cu)	mg/l	1.6	1.6

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_r = 0,9$	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_r = 0,9$
14	Kẽm (Zn)	mg/l	2.4	2.4
15	Niken (Ni)	mg/l	0.4	0.16
16	Mangan (Mn)	mg/l	0.8	0.4
17	Sắt (Fe)	mg/l	4	0.8
18	Dầu mỡ khoáng	mg/l	8	4
19	Florua (F ⁻)	mg/l	8	4
20	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0.4	0.16
21	Tổng Nitơ	mg/l	32	16
22	Tổng Photpho	mg/l	4.8	3.2
23	Clo dư	mg/l	1.6	0.8
24	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	8	4
25	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000	3000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2.

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

3.1. Quan trắc nước thải:

a) Quan trắc nước thải làm mát sau xử lý tại vị trí trước khi xả hồ kiểm soát chung với Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1: quan trắc tự động với các thông số lưu lượng, pH, nhiệt độ, Clo dư; quan trắc định kỳ theo tần suất một (01) tháng/ lần với các thông số quy định tại Bảng 1, Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này.

b) Quan trắc định kỳ nước thải sản xuất, sinh hoạt sau xử lý tại vị trí trước khi xả ra sông Đồng Tranh theo tần suất ba (03) tháng/ lần với các thông số quy định tại Bảng 1, Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này.

3.2. Quan trắc nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Vị trí quan trắc:

- Trên sông Lòng Tàu: hai (02) vị trí, cách điểm xả nước thải làm mát ra sông Lòng Tàu 100m về phía thượng và hạ lưu.

- Trên sông Đồng Tranh: hai (02) vị trí, cách điểm xả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt ra sông Đồng Tranh 100m về phía thượng và hạ lưu.

b) Thông số quan trắc: các thông số như Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT.

c) Tần suất quan trắc:

- Trên sông Lòng Tàu: 03 (ba) tháng/lần.
- Trên sông Đồng Tranh: 06 (sáu) tháng/lần.

4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép, cơ quan chức năng ở địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

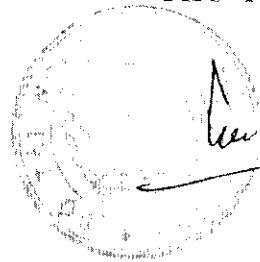
Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Thanh tra Bộ;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Cục thuế tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, VPMC, Hồ sơ cấp phép, TNN.

[Chữ ký]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thái Lai